

QUYẾT ĐỊNH
công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cử nhân
cho sinh viên đại học hệ chính quy (đợt 2)

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 625-QĐ/TU ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động đào tạo đại học từ năm học 2016 - 2017;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 990-QĐ/HVCB ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp đợt 2 năm 2025 đối với sinh viên chính quy ngày 31 tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ QUYẾT ĐỊNH

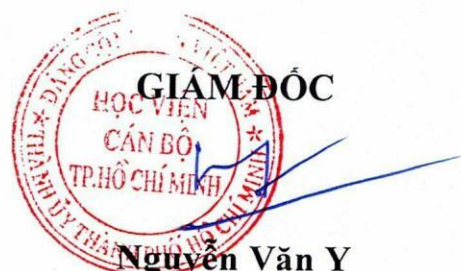
Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho **54** sinh viên đại học hệ chính quy (đợt 2), trong đó 48 sinh viên thuộc hệ Cử nhân chính quy và 06 sinh viên thuộc hệ Cử nhân chính quy học chương trình thứ hai (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Quản lý đào tạo thực hiện thủ tục cấp bằng và đăng ký vào Sổ cấp bằng tốt nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị; Trưởng phòng Quản lý đào tạo; trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các khoa thuộc Học viện,
- Lưu Học viện Cán bộ. HN(P. QLĐT)



DANH SÁCH SINH VIÊN CỬ NHÂN HỆ CHÍNH QUY
TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1631 -QĐ/HVCB ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp Học	Ngành	Điểm TBC TL Hệ 10	Xếp Loại	Ghi Chú
1	212040046	LÊ CÔNG DANH	20.03.2000	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06204	Công tác xã hội	7,53	Khá	
2	202040014	NGUYỄN TRÀ MY	13.10.2002	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K05204A	Công tác xã hội	7,57	Khá	
3	212040017	TRƯƠNG NGUYỄN CÁT TUỜNG	17.09.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06204	Công tác xã hội	7,67	Khá	
4	212040007	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	22.04.1999	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06204	Công tác xã hội	7,71	Khá	
5	212040019	TRƯƠNG NGUYỄN TUỜNG VY	17.09.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06204	Công tác xã hội	7,56	Khá	
6	202010016	NGUYỄN NGỌC PHÚ AN	06.12.1999	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K05201A	Chính trị học	6,81	Trung bình khá	
7	202012701	NGUYỄN NGỌC HÂN	13.04.2002	Nữ	Kinh	Tỉnh Vĩnh Long	K05201A	Chính trị học	7,19	Khá	
8	212010014	NGUYỄN ĐÌNH THANH NGỌC	12.03.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06201	Chính trị học	7,48	Khá	
9	212010060	NGUYỄN MINH PHÚ	15.02.2003	Nam	Kinh	Tỉnh Cà Mau	K06201	Chính trị học	7,33	Khá	
10	212010016	PHAN ĐỨC TÀI	13.03.2003	Nam	Kinh	Tỉnh Đắk Lắk	K06201	Chính trị học	7,59	Khá	
11	222010042	PHẠM THỊ BẢO TIỀN	09.08.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Đồng Nai	K07201	Chính trị học	8,09	Giỏi	
12	212010052	ĐINH THÙY TRANG	02.05.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06201	Chính trị học	7,49	Khá	
13	192010025	TRẦN QUỐC TRUNG	02.07.2001	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K04201A	Chính trị học	6,84	Trung bình khá	
14	212010047	TRẦN NHƯ Ý	22.06.2003	Nữ	Kinh	Tỉnh Cà Mau	K06201	Chính trị học	8,03	Giỏi	
15	202032783	NGUYỄN NGỌC BẢO	02.03.2001	Nam	Kinh	Tỉnh Quảng Ngãi	K05203B	Luật	7,1	Khá	
16	192030109	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	16.09.2001	Nam	Kinh	Tỉnh Cà Mau	K04203A	Luật	6,83	Trung bình khá	
17	222030074	CHÊ HUỖNH MỸ DUYÊN	30.12.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Cà Mau	K07203A	Luật	7,65	Khá	
18	222030073	VÕ PHƯƠNG ĐẠT	08.11.2003	Nam	Kinh	Tỉnh An Giang	K07203A	Luật	8,03	Giỏi	
19	222030061	ĐỖ THỊ TUYẾT HẠ	06.07.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Đắk Lắk	K07203A	Luật	8	Giỏi	
20	212030132	BÙI THỊ THANH HẰNG	27.08.2003	Nữ	Kinh	Tỉnh Đồng Nai	K06203B	Luật	7,21	Khá	
21	212030137	TRẦN QUỐC HÙNG	23.01.2003	Nam	Kinh	Tỉnh Quảng Trị	K06203B	Luật	6,75	Trung bình khá	
22	202032816	LÊ THỊ LINH	25.08.2002	Nữ	Kinh	Tỉnh Thanh Hóa	K05203B	Luật	7,41	Khá	

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp Học	Ngành	Điểm TBC TL Hệ 10	Xếp Loại	Ghi Chú
23	222030062	TRƯƠNG TRÀ MY	12.06.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Gia Lai	K07203A	Luật	7,63	Khá	
24	222030033	NGUYỄN HOÀI NAM	24.03.2004	Nam	Kinh	Tỉnh Tây Ninh	K07203A	Luật	7,81	Khá	
25	202032786	PHẠM DƯƠNG HẢI NGÂN	26.06.2002	Nữ	Kinh	Tỉnh An Giang	K05203A	Luật	7,47	Khá	
26	222030015	PHẠM NGUYỄN KHÁNH NGỌC	08.11.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Khánh Hòa	K07203A	Luật	7,69	Khá	
27	212032769	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	20.11.2003	Nữ	Kinh	Tỉnh Lâm Đồng	K06203B	Luật	7,01	Khá	
28	202032718	ĐẶNG HỮU QUAN	15.08.2002	Nam	Kinh	Tỉnh Tây Ninh	K05203B	Luật	7,17	Khá	
29	202032687	CAO PHÁT TÀI	13.11.2002	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K05203B	Luật	7,02	Khá	
30	222030032	BÙI NGUYỄN THIÊN THANH	08.02.2004	Nam	Kinh	Tỉnh Đồng Tháp	K07203A	Luật	7,82	Khá	
31	212030019	NGUYỄN NGỌC MINH THẮNG	14.08.2003	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06203A	Luật	7,04	Khá	
32	222030002	ĐINH QUANG THÔNG	19.04.2004	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K07203A	Luật	7,73	Khá	
33	222030095	NGUYỄN THỊ MỘNG THU	10.02.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Đồng Tháp	K07203B	Luật	8,02	Giỏi	
34	222030059	NGÔ QUANG THUẬN	17.04.2004	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K07203A	Luật	7,72	Khá	
35	222030029	LÊ ANH THƯ	11.12.2004	Nữ	Kinh	Tỉnh Thanh Hóa	K07203A	Luật	7,79	Khá	
36	212030003	LÝ MINH TRIẾT	27.01.2003	Nam	Kinh	Tỉnh Đồng Tháp	K06203A	Luật	6,96	Trung bình khá	
37	202032813	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	11.11.2002	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K05203B	Luật	6,96	Trung bình khá	
38	212050021	NGUYỄN HỮU LỘC	07.02.2003	Nam	Kinh	Tỉnh Vĩnh Long	K06205A	Quản lý Nhà nước	7,61	Khá	
39	212050095	LÝ VŨ HOÀNG PHƯƠNG	16.03.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06205B	Quản lý Nhà nước	7,84	Khá	
40	212050037	NGUYỄN LÊ TÚ QUYÊN	19.05.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06205A	Quản lý Nhà nước	7,71	Khá	
41	212050001	PHAN VÕ NGỌC THIÊN	07.09.2003	Nam	Kinh	Tỉnh An Giang	K06205B	Quản lý Nhà nước	7,05	Khá	
42	212050008	PHAN HÀ ANH THƯ	15.10.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06205A	Quản lý Nhà nước	7,19	Khá	
43	212020048	KSOR HOÀNG ANH	02.08.2003	Nữ	Ê-đê	Tỉnh Đắk Lắk	K06202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7,84	Khá	
44	212020011	NGUYỄN TÂN DŨNG	12.06.2003	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7,05	Khá	
45	212020019	TRẦN ANH DŨNG	07.04.2002	Nam	Kinh	Tỉnh Quảng Ngãi	K06202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7,25	Khá	
46	182020038	LÊ VĂN THẠCH	03.02.1988	Nam	Kinh	Tỉnh Nghệ An	K03202A	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7,19	Khá	
47	212020039	NGÔ THỊ NGỌC THANH	12.12.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7,59	Khá	
48	202022701	TRẦN NGUYỄN THỊNH	03.11.2002	Nam	Kinh	Thành phố Đà Nẵng	K05202A	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7,22	Khá	

Danh sách có 48 sinh viên hệ chính quy

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH SINH VIÊN CỬ NHÂN HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH 2 TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1631 -QĐ/HVCB ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh sau sáp nhập	Lớp Học	Ngành	Điểm TBC TL Hệ 10	Xếp Loại	Ghi Chú
1	212050043	NGUYỄN KIỀU ANH	25.01.2003	Nữ	Kinh	Tỉnh Cà Mau	K06203SN	Luật	7.87	Khá	
2	212050047	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG GIAO	11.02.2003	Nữ	Kinh	Tỉnh Cà Mau	K06203SN	Luật	7.63	Khá	
3	212050011	PHẠM VĂN KHANG	07.07.2003	Nam	Kinh	Tỉnh Tây Ninh	K06203SN	Luật	7.90	Khá	
4	202022736	NGUYỄN HẠNH NGUYỄN	19.01.2002	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K05203SN	Luật	7.33	Khá	
5	212050005	PHAN NGUYỆT QUÊ	13.06.2003	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	K06203SN	Luật	7.88	Khá	
6	212050041	TRẦN NGHI VÂN	12.05.2003	Nữ	Kinh	Tỉnh Đồng Nai	K06203SN	Luật	7.60	Khá	

Danh sách có 6 sinh viên hệ chính quy ngành 2.